

Đêm Nghe Sông Hằng Hát

Trần Trung Đạo

Đời sống trên sông Hằng, có thể từ nhiều ngàn năm vẫn diễn ra như thế. Một đời sống thuần túy tinh thần, dâng hiến trọn vẹn. Sống và chết, mất và còn, đến và đi đều diễn ra và kết thúc tại nơi đây. Những câu chuyện, những tin tức về chiến tranh, hòa bình, tranh chấp, quyền lực, danh lợi có lẽ không ảnh hưởng gì đến những người dân Ấn sống dọc sông Hằng. Tôi quan tâm chỉ vì biến cố có thể ảnh hưởng đến việc đi lại của tôi trong thời gian ở Ấn. Đa số người dân ở đây có thể suốt đời không đi xa. Không có một định nghĩa nào về quê hương mang ý nghĩa trọn vẹn hơn ở đây. Quê hương là thánh tích, là nơi sinh ra và là nơi để chết. Đúng như một nhà báo viết, nếu ai muốn có một đời sống bên ngoài thế giới, hãy đến sông Hằng ở Varanasi.

Varanasi, còn có tên gọi là Benares hay Banaras, nằm bên bờ sông Hằng, thuộc tiểu bang Uttar Pradesh, được xem là thành phố thánh của Phật Giáo, Jains Giáo và là thánh nhất của Hindu. Vị trí của Varanasi của Hindu tương tự như Jerusalem của Thiên Chúa Giáo hay Mecca của Hồi Giáo. Theo truyền thuyết, Varanasi do chính Lord Shiva thành lập từ muôn thuở trước. Đối với tín đồ Hindu, bất kể thuộc tông phái nào Varanasi là “thủ đô tinh thần” của họ, là nơi được tin rằng nếu họ chết ở đó, sẽ thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi và được an nghỉ mãi mãi nơi thiên đường. Về mặt văn minh nhân loại được các sử gia đồng ý, với hơn ba ngàn năm lịch sử, Varanasi là một trong những thành phố cổ nhất không phải chỉ Ấn Độ mà cả thế giới có người sống liên tục qua các thời đại. Mark Twain trong tác phẩm Theo đường xích đạo (Following the Equator) xuất bản năm 1898 đã viết “Benaras (Veranasi) là thành phố cổ hơn lịch sử, cổ hơn truyền thống, cổ hơn cả huyền thoại, và trông già hơn tất cả những điều vừa nêu cộng lại nhau”.

Chúng tôi đến Varanasi vào sau trưa. Vừa nhận hành lý xong, nhìn ra đường, một tài xế của công ty du lịch địa phương do văn phòng đại diện Ấn Độ của hãng tôi sắp xếp dùm đang đưa cao bảng tên có chữ “Mr. Tran”. Biết đó là tôi nên cảm thấy yên tâm. Anh ta vui vẻ bắt tay như gặp lại cố tri và hăng hái đưa hành lý lên xe. Anh chàng tài xế là một người trẻ với khả năng tiếng Anh đủ để trao đổi những điều cần thiết. Đặc điểm chung của các tài xế Ấn là lịch thiệp và tận tụy. Họ có mặt tại khách sạn bất cứ khi nào chúng tôi gọi và chỉ về nhà ngủ sau khi biết chắc là chúng tôi không đi đâu nữa trong ngày. Không phải chỉ vì bản tánh nhu hòa hay khả năng chuyên nghiệp cao nhưng quan trọng hơn vì lợi tức chính của họ là tiền thưởng của khách. Lương của một tài xế ở Ấn rất thấp. Và đương nhiên, muốn có tiền thưởng nhiều phải phục vụ tốt.

Phi trường Varanasi rất mới và trang bị đầy đủ như một phi trường địa phương ở Mỹ. Đoạn đường từ phi trường về thành phố chỉ dài khoảng 15 dặm nhưng phải cần 40 phút lái xe vì đường xấu, hẹp, chật chội, rất nhiều bò thả bộ an nhàn trên phố và quá nhiều xe cộ đủ loại chen chúc nhau. Đúng như lời bạn tôi cảnh giác, thành phố Varanasi quá nghèo nàn với những căn nhà lụp xụp dọc bên đường và cuộc sống người dân vô cùng lam lũ. Tôi chợt nghĩ, bây giờ còn như vậy, hai ngàn năm trăm

năm trước, khi đức Phật đến đây giảng pháp lần đầu, xứ này còn nghèo nàn đến mức nào. Ngày đó, vài tuần sau khi Thành Đạo, chưa có tăng đoàn, chưa có một đệ tử nào, đức Phật đã phải vừa khát thực để sống, đêm ngủ dọc đường, ngày một mình đi bộ trên đoạn đường đầy gai góc dài hơn hai trăm cây số từ Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) ở Gaya đến Vườn Lộc Uyển (Sarnath) gần Varanasi.

Tại sao đức Phật đến khu vực này mà không đi nơi khác? Nhiều người đặt ra câu hỏi đó nhưng không có câu trả lời nào thỏa đáng ngoài việc vào năm trăm năm trước công nguyên Varanasi đã là một trung tâm văn hóa lớn của Ấn Độ. Trong mảnh da thịt mong manh của đức Cồ Đàm chứa đựng một trí tuệ vượt không gian và thời gian, để lại cho muôn đời những lời khuyên nhẹ nhàng như lời ru và cần thiết như hơi thở. Đối với tôi, đức Phật trước hết là một nhà đại giáo dục. Tôi đọc những bài kinh, những bài pháp không phải để giải thích niềm tin tôn giáo huyền bí, không phải để cầu ơn phước và sau khi chết sẽ được sinh ở cõi an lạc nào nhưng để lắng nghe những lời dẫn dắt từ một bậc thầy lớn của nhân loại và cố gắng áp dụng vào đời sống hôm nay, ngay tại cõi ta bà ô trược này. Câu “Thấp đốn lên mà đi” đức Phật giảng trong những ngày cuối của hành trình ngài đi trên thế gian, không chỉ đúng với một Phật tử nhưng với tất cả, từ mỗi con người cho đến toàn dân tộc. Không ai cứu mình nếu chính mình không tự cứu.

Đoạn đường từ dãy phố cuối cùng dẫn ra sông Hằng là một đoạn đường hiểm hóc và nếu không có người hướng dẫn sẽ không thể nào đi được. Đó là một con hẻm rất dài và hẹp, băng qua những tiệm ăn, những đồng gạch vụn, những mái nhà chập nối tồi tàn. Trên đường đi, chúng tôi gặp nhiều tu sĩ Hindu ngồi dọc hai bên hẻm. Có người thiền định, có người đọc sách, có người chỉ ngồi nhìn khách du lịch đi qua. Trên khuôn mặt họ, ngoài chàm đỏ lớn giữa hai mắt còn có nhiều vết sơn ngang dọc. Có người ở trần ngực sơn đủ màu và cũng có người ăn mặc rất kín đáo. Sau khoảng 15 phút vượt qua nhiều đoạn quanh co, người tài xế nhấc lớn, chúng ta đã đến Ghat và sông Hằng. Tôi nhìn xuống, đúng vậy, trước mặt chúng tôi là bậc thang cấp dẫn xuống sông Hằng huyền bí.

Tôi đã làm quen với sông Hằng qua những phim tài liệu và sưu tập nhiều hình ảnh trước ngày đi Varanasi nhưng khi đứng trước sông Hằng tôi vẫn cảm thấy xúc động trong lòng. Tôi đặt tay xuống dòng nước mát như để làm dấu lặn chỉ tay, chứng minh cho một mơ ước tuổi thơ vừa thành sự thật. Tôi mơ đến nơi này từ những ngày còn tập hát những bài hát về những nhánh sông tách ra từ đây như Ni Liên Thuyền và A Nô Ma. Trong số mười con sông lớn nhất của thế giới, không một dòng sông nào chứa đựng nhiều huyền bí hơn sông Hằng. Chỉ riêng trong văn học Sankarit, sông Hằng đã có 108 tên gọi khác nhau. Sông Hằng là nguồn cảm hứng cho vô số thơ ca nhạc họa Ấn Độ. Những câu chuyện về dòng sông dài 1560 dặm từ Hy Mã Lạp Sơn đến vịnh Bengal này không bao giờ kể hết. Rabindranath Tagore từng ví sông Hằng như bạn đồng hành trong thi ca của ông và cũng là nơi ông đã dành nhiều thời gian gần gũi. Tôi chợt nhớ đến một nhà thơ Việt Nam, Vũ Hoàng Chương, cũng viết về dòng sông này trong bài thơ Lửa Từ Bi “Nam mô Đức Phật Di Đà, Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?” Về mặt tôn giáo, không cần phải giải thích nhiều, đây là giòng sông thánh nhất của Hindu qua những kinh truyện về Lord Shiva. Bản thân của sông thôi cũng đã là một vị thánh, thánh Ganga, để được tôn thờ. Nhưng nếu chỉ là giòng sông bình thường thôi, đây sẽ là nơi không nên đến. Bờ sông đầy rác rến. Mức độ ô nhiễm của sông Hằng trầm trọng gấp ba ngàn lần so với tiêu chuẩn do Tổ Chức Y Tế Quốc Tế Liên Hiệp Quốc (WHO) đưa ra.

Người tài xế đã tìm được ghe. Chúng tôi bước xuống để được đưa ra sông đi dự lễ Ganga Fire Aarti dưới chân Dasaswamedh Ghat. Lễ Ganga Fire Aarti (đăng ánh sáng) do các tu sĩ Hindu tông phái Brahmin thực hiện kéo dài khoảng gần một giờ. Đối với du khách, đây là tiết mục hấp dẫn nhất, màu sắc nhất trong ngày. Tôi quay một đoạn phim và chụp khá nhiều hình. Vợ tôi mua ba cây đèn nhỏ gắn trên bông sen giống như đèn phóng sinh ở Việt Nam để con gái út thả xuống dòng nước. Cô út thả đèn ba lần, hai lần thay mặt cho anh chị đang đi học xa và một cho chính cô út.

Người chèo ghe cho chúng tôi là một cậu bé khoảng 14 tuổi. Có lẽ theo nghề khá lâu và tuổi còn nhỏ nên cách phát âm tiếng Anh của cậu còn tự nhiên hơn cả người tài xế. Nếu tính theo Mỹ kim, mỗi ngày trung bình cậu bé làm được chỉ hơn 1 đô la. Khi tôi hỏi tại sao lương ít quá vì chúng tôi phải trả cho chủ ghe gần 20 đô la. Cậu bé trả lời rằng cậu chỉ chèo ghe vào buổi tối thôi, ban ngày còn phải lo đi học. Tôi rất mừng khi biết cậu bé lo học nên trước khi trả tiền cho chủ ghe đang đứng đợi trên bờ, tôi dúi vào tay cậu bé số tiền thưởng bằng lương cậu bé làm vài tuần lễ. Lễ xong, chúng tôi theo thuyền về Ghat cũ. Cho đến bây giờ tôi cũng không biết Ghat cũ đó tên gì nhưng chỉ nhớ đã đi ngang qua Ghat thiêu xác như đã viết ở phần trên.

Trời đã khuya. Khách du lịch đã về khách sạn. Không phải vì giới nghiêm nhưng không có lý do gì ở lại. Chúng tôi ghé một tiệm chay của người Nepal mua ít đồ ăn tối trước khi chia tay người tài xế. Phòng ngủ của gia đình tôi hướng ra sông. Bày muỗi vo ve làm tôi không ngủ được nhưng không biết đi đâu. Ở đây không có quán cà phê, không có internet. Ngọn lửa thiêu xác chắc cũng đã tàn. Đêm thật vắng, không một bóng người qua lại nhưng trong mơ màng tôi nghe lời kinh như khúc hát ngàn xưa vẫn còn vọng lại từ sông Hằng huyền bí.

Khoảng gần sáu giờ sáng, tôi một mình xách máy chụp hình đi bộ ra Assi Ghat. Mặt trời vừa xuất hiện bên kia bờ sông rộng. Sông Hằng thật êm đềm. Xa xa một chiếc ghe nhỏ chở du khách đang xuôi mái chèo về hướng bắc. Trên bệ đá bên bờ sông, hai nhạc sĩ trẻ đang ngồi. Người nam đánh đàn và người nữ gõ trống. Cây đàn rất quen nhưng tôi không nhớ tên. Hôm sau, khi gửi tấm hình lên Facebook, anh Hữu Việt nhắn cho biết đó là đàn Sitar, một nhạc cụ quen thuộc của Ấn Độ.

Hai nhạc sĩ trẻ, không rõ là người Nhật hay Nam Hàn, có vẻ là tình nhân đang chào đón mặt trời lên trên sông Hằng bằng âm nhạc. Người thanh niên khi đàn xong một bản nhạc choàng tay vuốt nhẹ lưng người con gái như vỗ về và khuyến khích. Không có một động tác âu yếm nào khác và thậm chí không cả nhìn nhau nhưng tâm hồn họ hẳn đang quyện tròn vào nhau như những giọt nước trên sông Hằng không thể phân ly đang trôi trước mặt. Nếu ai muốn biết chiều sâu của thung lũng tình yêu, trên thế gian này, có lẽ chỉ hai bạn trẻ này là những người duy nhất có thể trả lời.

Một khoảng cách không xa phía sau, một người đàn ông Ấn tuổi trung niên đang ngồi lắng nghe. Ông cũng là người hạnh phúc. Tôi ngồi xuống phía xa hơn và chọt nghe trong lòng dâng lên một niềm vui rất lạ. Chúng tôi không trao nhau một ánh mắt, một nụ cười hay một lời chào buổi sáng nhưng sợi dây nhân duyên vô hình giữa người và người đã nối chúng tôi chung tại điểm hẹn này. Lát nữa đây, khoảng

không gian này sẽ biến mất và thời gian sẽ trôi theo sông không trở lại nhưng khoảnh khắc diệu kỳ này sẽ sống mãi trong tâm hồn mỗi chúng tôi.

Mặt trời vàng rực rỡ dang lên cao dần. Chợt nhớ sắp đến giờ ra đi, tôi đứng dậy đi chụp thêm một ít ảnh sinh hoạt bên sông Hằng buổi sáng. Phía dưới sông nhiều người dân Ấn mộ đạo đang gột rửa bụi trần bằng nước sông Hằng để đón sự trong sạch đến với tinh thần họ. Du khách từ trong phố bắt đầu lang thang tìm ghe để được đưa đi thưởng ngoạn sông Hằng mặt trời lên. Một ngày mới nhộn nhịp lại bắt đầu ở Varanasi.

Khoảng nửa giờ sau, tôi trở lại Assi Ghat, cặp tình nhân nhạc sĩ trẻ kia vẫn còn đó và khán giả duy nhất của họ vẫn còn đó. Tiếng đàn Sitar và tiếng trống Tabla tiếp tục vang lên trên sông Hằng. Nhưng trễ rồi và tôi phải ra đi. Nhìn ra sông Hằng, tôi thắm nói lời tạm biệt.

*Và một ngày tôi sẽ trở lại thăm
Sông Hằng Varanasi
Có thể không còn là con người xương thịt như hôm nay
Mà chỉ là giọt nước
Từ mây trời phương tây xa xôi
Hãy đón giọt nước như đón tôi hôm nay
Hãy cho tôi cùng chảy với sông
Trong tiếng đàn Sitar và tiếng trống Tabla
Trong một đêm huyền diệu
Trong buổi sáng lặng yên
Tạm biệt sông Hằng
Tạm biệt Varanasi.*

Trần Trung Đạo

[Chuyến đến: Tiểu Mai](#)

Ngày 10/03/2016

www.vietnamvanhien.net